UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NINH SƠN

Số: 70 /BC-CTLNNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Sơn, ngày 14 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 -2021

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng Nhân dân tỉnh về "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 -2021"; Văn bản số 2915/STC-TTr ngày 29/08/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo "việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021".

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn báo cáo "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 -2021", như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Hàng năm, Chi bộ đã chỉ đạo, phối hợp cùng Công ty tổ chức xây dựng Kế hoạch, Chương trình phòng, chống tham nhũng với nội dung tập trung vào các lĩnh vực dễ sai phạm, ban hành các văn bản chỉ đạo, phối hợp cùng các Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng như: Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản"; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãnh phí, tiêu cực; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật khác có

liên quan của các Cấp, Sở, ngành về phòng, chống tham nhũng đến Đảng viên, Đoàn viên, toàn thể CNV, người lao động biết và thực hiện cùng tham gia giám sát theo quy định.

Công tác chỉ đạo, triển khai việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN luôn được duy trì, đẩy mạnh, khẳng định mạnh mẽ quyết tâm chống tham nhũng của Chi bộ, Công ty và được đảng viên, CNV và người lao động đồng tình ủng hộ, đánh giá cao, góp phần quan trọng trong việc giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, làm trong sạch bộ máy của đơn vị.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

2.1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ cấp thiết và thường xuyên. Trong những năm qua, Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về PCTN được thực hiện thông qua các buổi sinh hoạt của Chi bộ, Công ty và tại các cuộc họp định kỳ, đột xuất của đơn vị. 100% CNV, người lao động được quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Bên cạnh đó Cấp ủy, Lãnh đạo Công ty cũng thường xuyên nhắc nhở, yêu cầu CNV, người lao động không vi phạm từ đó tạo sự đồng thuận thống nhất trong nhận thức và hành động về công tác PCTN trong toàn đơn vị.

2.2. Việc ban hành các văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng

Giai đoạn 2016 - 2021, Chi bộ, Công ty đã ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, cụ thể:

- Kế hoạch số 34/KH-CLNNS ngày 20/3/2016 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2016.

- Kế hoạch số 43/KH-CLNNS ngày 29/3/2017 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2017.

- Kế hoạch số 86/KH-CLNNS ngày 24/5/2018 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2018.

- Kế hoạch số 21/KH-CLNNS ngày 11/02/2019 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2019.

- Kế hoạch số 17/KH-CLNNS ngày 05/02/2020 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2020.

- Kế hoạch số 15/KH-CLNNS ngày 21/3/2021 của Công ty về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2021.

2.3 Tình hình tổ chức, phân công trách nhiệm, tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng

Trên cơ sở Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ, tổ chức hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn, Công ty đã xây dựng ban hành Quyết định số 133/QĐ-CTLNNS ngày 10/11/2021 của Quy đinh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng nghiệp vụ, các Trạm, Chốt QLBVR Công ty, gắn với trách nhiệm, nhiệm vụ của các Tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên) và Ban thanh tra Nhân dân qua đó đã phân công trách nhiệm, tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng với nòng cốt là cán bộ chủ chốt có năng lực, trình độ tại các phòng, trạm, chốt đã mang lại hiệu quả cao.

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động

Xác định nhiệm vụ trọng tâm của Luật Phòng, chống tham nhũng là xây dựng một cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng, qua đó góp phần xây dựng một cơ chế quản lý công khai, minh bạch để "không thể tham nhũng". Do đó việc bảo đảm và tăng cường công khai, minh bạch trong trong hoạt động Công ty là một nội dung hết sức quan trọng, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức rà soát, điều chỉnh, xây dựng, ban hành các quy định liên quan đến các chế độ, định mức với sự tham gia góp ý của Công đoàn, CNV và người lao động, qua đó góp phần thực hiện quyền, nghĩa vụ của người lao động và của người sử dụng lao động. Sau khi ban hành, đều niêm yết công khai tại đơn vị, các phòng, trạm QLBVR Công ty theo quy định. Bố trí, lắp đặt các hòm thư góp ý ở vị trí phù hợp tại văn phòng, các trạm QLBVR Công ty để CNV, người lao động và người dân thuận lợi trong việc tố giác các hành vi vi phạm nhất là các vi phạm liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

Việc chi tiêu mua sắm tài sản, vật dụng tại Công ty được thẩm định chặt chẽ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật về mua sắm tài sản.

Tại Hội nghị CNV và người lao động hàng năm, Ban lãnh đạo Công ty đều báo cáo công khai về toàn bộ kết quả thu, chi tài chính, tình hình về quản lý và sử dụng các nguồn vốn của năm trước và kế hoạch trong năm theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Việc xây dựng ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Hàng năm, Công ty đều chỉ đạo các phòng nghiệp vụ phối hợp, rà soát, điều chỉnh, xây dựng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; xây dựng kế hoạch về các nguồn thu, nguồn chi hợp lý đảm bảo theo quy định hiện hành gắn với tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với đặc điểm, điều kiện của Công ty, cụ thể:

- Quyết định số 02/QĐ-CTLNNS ngày 27/02/2016 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016.

- Quyết định số 01/QĐ-CTLNNS ngày 20/01/2017 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017.

- Quyết định số 19/QĐ-CTLNNS ngày 01/02/2018 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018.

- Quyết định số 11/QĐ-CTLNNS ngày 25/01/2019 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019.

- Quyết định số 02/QĐ-CTLNNS ngày 14/01/2020 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020.

- Quyết định số 05/QĐ-CTLNNS ngày 01/02/2021 của Công ty về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.

3.3. Việc xây dựng thực hiện quy tắc ứng xử của CNV, người lao động

Với mục đích nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ CNV, người lao động của Công ty; đảm bảo tính chuyên nghiệp, liêm chính, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ. Chi bộ, Công ty đã xây dựng, ban hành các văn bản có liên quan phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, nội dung của nội quy, quy chế...đều được Công ty tổ chức lấy ý kiến trước khi ban hành và đề được niêm yết công khai tại trụ sở và các trạm QLBVR Công ty, cụ thể:

- Quyết định số 02-QĐ/CB ngày 28/02/2016 của Chi bộ Công ty về Quy định chuẩn mực, đạo đức của cán bộ đảng viên, CNV, và người lao động trong Công ty học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM trong thực hiện nhiệm vụ.

- Quyết định số 129/QĐ-CTLNNS ngày 18/10/2021 của Công ty về việc ban hành Quy chế làm việc của Công ty.

- Quyết định số 130/QĐ-CTLNNS ngày 18/10/2021 của Công ty về việc ban hành Nội quy lao động.

- Quyết định số 133/QĐ-CTLNNS ngày 10/11/2021 của Quy đinh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng nghiệp vụ, các Trạm, Chốt QLBVR Công ty.

- Quyết định số 09/QĐ-CTLNNS ngày 24/01/2022 cuả Công ty Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Ngoài ra, Chi bộ, Công ty cũng thường xuyên chỉ đạo phòng Tổ chức – Hành chính tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất tại các phòng, các trạm, chốt QLBVR việc thực hiện Nội quy, Quy chế của Công ty nhằm nhắc nhở chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương. Qua đó, đã hạn chế thấp nhất các vụ vi phạm về giờ giấc làm việc, nghỉ ngơi, thực hiện lịch trực…

3.4. Thực hiện việc bổ nhiệm, luân chuyển vị trí công tác

Hàng năm, Công ty thường xuyên rà soát, chuyển đổi vị trí công tác của nhân viên giữa các trạm QLBVR, chốt QLBVR với nhau và thường xuyên tổ chức đánh giá công tác chuyển đổi nhằm thực hiện công tác phòng ngừa tiêu

cực, cũng như tình trạng những nhiễu, gây phiền hà xảy ra trong lực lượng QLBVR với phương châm không để cán bộ, công nhân viên QLBVR ở một vị trí, địa bàn công tác trong thời gian dài việc luân chuyển, bổ nhiệm đều được Ban lãnh đạo Công ty công khai họp lấy ý kiến trước khi thực hiện.

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượt luân chuyển	47 lượt	56 lượt	46 lượt	36 lượt	10 lượt	35 lượt

3.5. Thực hiện việc niêm yết, công khai minh bạch về tài sản và thu nhập cá nhân đối với các đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định.

Việc kê khai tài sản thu nhập hàng năm được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, triển khai đúng trình tự từ bước lập danh sách, xây dựng kế hoạch, cho đến công khai các bản kê khai, báo cáo đầy đủ các nội dung gửi về Thanh tra tỉnh theo quy định. Qua đó, các đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập thực hiện việc kê khai nghiêm túc, công tác công khai các bản kê khai được thực hiện đúng thời gian, nội dung quy định, đạt tỷ lệ 100 (%) số người đã kê khai/số người thuộc diện phải kê khai.

3.6. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp uỷ, cán bộ, đảng viên, trước hết là của người đứng đầu trong PCTN.

Luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN, lãng phí, gương mẫu, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, đấu tranh PCTN, lãng phí trong toàn Công ty.

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, dư luận xã hội quan tâm. Người đứng đầu Công ty luôn phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi, biểu hiện tham nhũng, lãng phí; gắn trách nhiệm của người đứng đầu nếu để xảy ra tham nhũng trong đơn vị mình quản lý.

Cán bộ, đảng viên luôn phát huy vai trò gương mẫu trong việc thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN, lãng phí.

3.7. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ CBCNV, người lao động; hoàn thiện, thực hiện nghiêm các quy định về công tác tổ chức.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát CBCNV, người lao động thông qua việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Chỉ đạo các đoàn thể, phòng chuyên môn, trạm, chốt QLBVR góp ý, tham gia xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CBCNV, người lao động để xác định rõ vai trò, trách nhiệm, lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá hàng năm; đồng thời chủ động nắm bắt tình hình, tư tưởng để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa và xử lý kiến quyết, kịp thời các hành vi vi phạm.

Thường xuyên chỉ đạo, tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất

nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tại Công ty qua đó đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các trường hợp CBVNV và người lao động vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính không để tiếp diễn. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp cùng các đoàn thể, phòng chuyên môn, trạm, chốt QLBVR lấy ý kiến, ban hành Quy chế làm việc của Công ty theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thường xuyên rà soát, bổ sung hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc của Công ty nâng cao chất lượng trong công tác chuyên môn; chấp hành sự lãnh đạo chỉ đạo điều hành của cấp trên.

3.8. Tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành

Trong những năm qua, Công ty đã tích cực triển khai, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành như TDOfice, Zalo, Mail...Việc ứng dụng tiến bộ mới vào hoạt động quản lý, điều hành của Công ty cho phép bao quát được toàn bộ hoạt động một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác; giúp Ban Giám đốc quản lý nắm bắt đầy đủ, chi tiết, chính xác mọi thông tin cần thiết trong bất kỳ thời điểm nào với đối tượng được quản lý; tiết kiệm thời gian, nhân lực và vật lực, góp phần nâng cao chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ.

3.9. Đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Cùng với xu thế phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, việc hạn chế sử dụng tiền mặt theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2810/UBND-VXNV ngày 04/7/2019, Công ty đã triển khai, thực hiện chi, trả các chế độ chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của CNV, người lao động trong Công ty như chế độ trả lương, trả thưởng, thu nhập tăng thêm, tiền ăn giữa ca và các chế độ khác thông qua tài khoản ngân hàng và được công khai trên Zalo nhóm của Công ty sau khi thực hiện chi trả.

4. Kết quả công tác thanh tra và phát hiện, xử lý tham nhũng và giải quyết khiến nại, tố cáo

4.1. Kết quả công tác thanh tra và phát hiện, xử lý tham nhũng

Từ đầu năm 2016 đến nay, Công ty đã tổ chức 11 đợt kiểm tra nội bộ, qua hoạt động tự kiểm tra, giám sát nội bộ Công ty không phát hiện các trường hợp vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do đó không tiến hành xử lý trách nhiệm trường hợp nào, cụ thể:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Công tác tổ chức tự kiểm tra, giám sát nội bộ	2 đợt	2 đợt	02 đợt	02 đợt	01 đợt	02 đợt
Số vụ vi phạm	0 vụ	0 vụ	0 vụ	0 vụ	0 vụ	0 vụ
Xử lý trách nhiệm	0	0	0	0	0	0

4.2. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

Từ năm 2016 đến nay, Công ty không tiếp nhận các đơn khiếu nại, tố cáo các vi phạm liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực do đó đơn vị không giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý trường hợp nào.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật

Năm 2019, Thanh tra tỉnh Ninh Thuận tổ chức Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong thực hiện Điều lệ tổ chức hoạt động, nhiệm vụ được giao và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và có Kết luận số 13/KL-TTT ngày 31/12/2019. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã không phát hiện các vi phạm liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1.Việc chỉ đạo, điều hành thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1.1 Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Ban giám đốc Công ty thường xuyên luôn quán triệt và tuyên truyền triển khai các văn bản quy định về công tác Thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến với người lao động thông qua Hội nghị Viên chức, Người lao động cuối năm đến với toàn thể Viên chức, Người lao động trong công ty cụ thể:

- Luật số: 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội về việc ban hành Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Nghị định số: 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thông tư số: 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ.

- Thông tư 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định tiêu chí, đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên.

- Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tuyên truyền đến Người lao động về việc nâng cao ý thức rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, theo đó nêu cao tính tiên phong gương mẫu của tập thể lãnh đạo.

1.2 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Luôn nêu cao tinh thần tự giác tiết kiệm chống lãng phí cho bản thân, cho người lao động trong công tác chuyên môn nghiệp vụ, phòng ngừa, ngăn

chặn và đẩy lùi hiện tượng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, tài sản của công ty.

- Đưa Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021, góp phần hoàn thành kế hoạch năm 2021 chung của Công ty.

- Ban hành các văn bản để phục vụ công tác điều hành nhằm tiết kiệm, chống lãng phí như: Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ, quy chế trả lương, trả thưởng.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia

Hàng năm, giai đoạn 2016 - 2021 công ty lập dự toán các hạng mục thuộc Chương trình dự án bảo vệ và phát triển rừng theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/06/2016, Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng như dự toán đã duyệt.

3. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

Việc thực hiện quản lý theo tài công được thực hiện theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ đồng thời rà soát lại tất cả các loại tài sản có từ trước năm 2016 không có nhu cầu sử dụng, hoặc không cần thiết để tiến hành thanh lý nhằm giảm chi phí khấu hao vì hiện nay công ty công ty thực hiện nhiệm vụ công ích mà UBND tỉnh giao.

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng máy móc, phương tiện đi lại, đầu tư trang thiết bị: Giai đoạn 2016-2021, công ty có sử dụng vốn doanh nghiệp để mua sắm các thiết bị như máy định vị, máy vi tính phục vụ nhu cầu công việc, ngoài ra được NSNN tài trợ để mua sắm trang phục, phương tiện xe gắn máy cho lực lương quản lý bảo vệ rừng để thực hiện hiệm vụ bảo vệ rừng, (Mua sắm 32 bộ trang phục theo tiêu chuẩn bảo vệ rừng với số tiền: 111.824.000 đồng và 10 xe gắn máy hiệu Honda anpha với số tiền 217.600.000 đồng).

4. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Việc sử dụng lao động và thời gian lao động tại đơn vị phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ. Công ty đã và đang xây dựng đội ngũ Người quản lý và người lao động có trình độ và phẩm chất chính trị đạo đức đáp ứng trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đặc biệt là thời kỳ công nghệ 4.0.

Năm 2018,Công ty đã xây dựng Phương án giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư, xin thôi việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt, cấp kinh phí giải quyết cho lao động dôi dư về chế độ theo Quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 01/02/2018. Cụ thể

- Tổng số lao động dôi dư: 09 lao động:

+ Lao động xin thôi việc về chế độ: 02 lao động.

+ Lao động mất việc do không sắp xếp được việc làm: 07 lao động.

- Tổng số tiền để giải quyết theo chế độ được duyệt, cấp: 647.236.243 đồng:

+ Trợ cấp thôi việc về chế độ: 57.341.900 đồng.

+ Trợ cấp mất việc do không sắp xếp được việc làm: 589.894.343 đồng.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

a) Trong quản lý, sử dụng đất đai

Năm 2017, thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất trình Sở Tài nguyển và Môi trường xem xét thẩm định tại Tờ trình số 30/TTr-CTLNS ngày 16/11/2017. Tuy nhiên, tại thời điểm này, trên địa bàn tỉnh đang triển khai lập Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 nên Phương án sử dụng đất của công ty tạm dừng lại chờ kết quả rà soát quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 phê duyệt sẽ tiến hành xây dựng trình các cơ quan chức năng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

Hiện nay, UBND tỉnh đang trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án quy hoạch lâm nghiệp quốc gia của tỉnh giai đoạn 2021-2030. Sau khi được phê duyệt, Công ty sẽ chỉnh sửa phương án sử dụng đất phù hợp với bản đồ quy hoạch trình Sở Tài Nguyên và Môi trường xem xét thẩm định lại trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng

Căn cứ quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021. Hiện nay Công ty được UBND tỉnh giao quản lý và bảo vệ **28.485,41 ha** thuộc địa giới hành chính 3 xã Hoà Sơn, Ma Nới và Mỹ Sơn, Trong đó:

- Diện tích rừng và đất rừng phòng hộ là: **20.079,75 ha,** cụ thể:

+ Rừng tự nhiên: 18.703,97 ha.

+ Rừng trồng: 314,40 ha.

+ Đất chưa có rừng: 1.061,38 ha.

- Diện tích rừng và đất rừng sản xuất: **8.405,66 ha,** cụ thể:

+ Rừng tự nhiên: 7.311,91 ha.

+ Rừng trồng: 546,45 ha.

+ Đất chưa có rừng: 547,30 ha.

6. Trong quản ký các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Không có.

7. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	2(
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất							
-	Tận thu cây le	bó	13.000	10.000	7.500	4.500	4.000	5.000
-	Gỗ	m3	-	-	114,528	-	-	
-	Cây giống: Sao, Dầu	cây	239	97	597	20	-	
-	Dịch vụ môi trường rừng							
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	235,5	223,5	3.094	782,6	602,5	1.599
-	Trong đó							
+	*Doanh thu cung cấp hàng hóa (cây le, cây Sao, Dầu, gỗ, DVMTR)*	*Tr đồng*	*220*	*171*	*3.088*	*775*	*582*	*835,5*
+	*Thu nhập khác*	*Tr đồng*	*9*				*15,8*	*756.*
	Doanh thu tài chính		*6,5*	*52,5*	*6,2*	*7,6*	*4,7*	*7,5*
3	Tổng chi phí	Tr đồng	170,9	254,4	2.908,5	759	582,8	1.561,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	64,6	(30,9)	185,5	23,6	19,7	37,8
5	Nộp ngân sách	Tr đồng	57,8	38,7	975	27,9	19,3	18,6

- Công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước: Không có.

- Việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

Ngày 12/03/2014, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có Nghị quyết số 30-NQ/TW về tiếp tục sắp xếp đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/05/2014 về Chương trình, kế hoạch của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Trên cơ sở đó Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn đã xây dựng đề án chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ sản xuất kinh doanh sang hoạt động công ích và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án tại Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/10/2016.

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025". Công ty đã tiếp tục xây dựng Đề án tái cơ cấu lại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh

Sơn giai đoạn 2021-2025 gửi Sở Tài chính thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Việc Quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn doanh nghiệp nhà nước

+ Việc huy động vốn từ bên ngoài: Không có.

+ Việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Định kỳ 6 tháng và hết năm tài chính, công ty có báo cáo tình hình tài chính theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước gửi Sở Tài chính giám sát. Quan công tác giám sát, vốn nhà nước tại công ty được bảo toàn

8. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013

Hàng năm, Công ty thực hiện việc công khai tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các nguồn kinh phí, quy chế chi tiêu, quy chế dân chủ thông qua hội nghị Người lao động cuối năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm qua cũng như đề ra phương hướng thực hiện cho năm tới để người lao động biết và thực hiện công tác giám sát.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Giai đoạn 2016-2021, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn không có các cơ quan, cá nhân có chức năng kiểm tra, giám sát về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN, THTK, CLP

1. Công tác phòng, chống tham nhũng

1.1. Ưu điểm.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các Cấp, ngành, sở. Cấp uỷ, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên quan tâm và chú trọng đến công tác phòng, chống tham nhũng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong việc chỉ đạo, điều hành, song song với công tác kiểm tra, đôn đốc; một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng đã phát huy được hiệu quả trong việc hạn chế phát sinh tiêu cực, tham nhũng đã đạt được những kết quả nhất định, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng CNV, người lao động.

So với trước năm 2016, công tác phòng, chống tham nhũng đã có bước tiến quan trọng. Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được quan tâm, thực

hiện nghiêm túc, một số mặt đã có chuyển biến rõ nét như: công khai thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính, tài sản; công tác cán bộ đã được công khai minh bạch trong tất cả các khâu như tuyển dụng, đào tạo, đề bạt và việc thực hiện công khai minh bạch về tài sản và thu nhập đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát được tăng cường; công tác thông tin tuyên truyền, đổi mới về nội dung và chất lượng luôn được triển khai thường xuyên, kết hợp lồng ghép trong các buổi họp giao ban thường kỳ hằng tháng, quý của Công ty đã góp phần tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng.

1.2. Hạn chế, nguyên nhân.

Trong thời gian qua, do ảnh hưởng của bệnh dịch Covid – 19 nên các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên có phần bị hạn chế, gián đoạn, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các cuộc thanh tra.

Việc tổ chức thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng đôi khi còn lúng túng, chưa kịp thời. Công tác tự kiểm tra, kiểm tra nội bộ còn hạn chế, tâm lý ngại đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực trong một số CNV và người lao động trong Công ty vẫn còn do đó chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phát hiện, tố giác cũng như xử lý tham nhũng, tiêu cực.

Đối với việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về công khai minh bạch gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, do điều kiện, nhiệm vụ đặc thù của Công ty, nhất là cán bộ, đảng viên các trạm QLBVR đóng ở nhiều địa bàn, cách xa nhau, thông tin liên lạc, đi lại khó khăn nên khi tập hợp CNV và người lao động để họp quán triệt có phần khó khăn, hạn chế.

Một số lao động là người đồng bào dân tộc, lao động có trình độ phổ thông chưa qua đào tạo nên còn hạn chế trong việc nghiên cứu, nắm bắt, truyền đạt thông tin, do đó ít nhiều ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2 Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

2.1. Đánh giá kết quả đạt được

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn công ty thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của Người quản lý và Người lao động về tầm quan trọng của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần cắt giảm chi tiêu. Qua đó, tăng thêm thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt các quy định công khai tài chính trong Công ty, các kế hoạch đầu tư công, xây dựng và quy hoạch quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên một cách hiệu quả.

- Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí ở một số bộ phận, một số người còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Xây dựng nội dung chương trình, hành động về tiết kiệm chống lãng phí còn chung chung.

3. Những kinh nghiệm rút ra

- Cần có cơ chế, chính sách bảo vệ rừng, đặc biệt là cơ chế bảo vệ rừng áp dụng cho các công ty lâm nghiệp còn khó khăn không giống như chính sách của lực lượng công chức kiểm lâm, do đó không thu hút được người lao động làm việc và yên tâm công tác góp phần nâng cao tinh thần tiết kiệm chống lãng phí.

- Cần có cơ chế, chính sách đối với công tác khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Cần Ban hành Kế hoạch và Chương trình hành động cụ thể, chi tiết đến từng bộ phận, phòng ban và từng người lao động trong Công ty về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Đường lối, Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trọng tâm là thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/01/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản; các quy định về công khai minh bạch của Luật phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 12-CT/TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực" gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị, thường xuyên thông tin, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua Hội nghị Người lao động cuối năm, các cuộc họp trong công ty nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý nghĩa của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của từng phòng, từng người trong Công ty.

Trong quá trình tuyên truyền, do điều kiện đi lại khó khăn, Công ty sẽ thực hiện bằng nhiều hình thức như: photocopy (đối với văn bản giấy) hoặc gửi Email, Zalo các tài liệu văn bản (đối với văn bản điện tử) đến các trạm QLBVR để người lao động tự nghiên cứu cập nhật và thực hiện.

Thường xuyên thông tin tuyên truyền về gương người tốt, việc tốt, tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác phòng chống tham nhũng để tạo sức lan tỏa trong việc phổ biến cũng như thực hiện.

Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí; chấp hành

nghiêm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn; thường xuyên rà soát, sửa đổi các định mức, tiêu chuẩn không còn phù hợp. Trước khi ban hành cần lấy ý kiến góp ý của CNV và người lao động.

Tăng cường bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất chính trị và trách nhiệm công việc cho Người quản lý và toàn thể Người lao động, chấn chỉnh lề lối làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với CNV, người lao động nhằm xây dựng đội ngũ có năng lực, phẩm chất đạo đức, kỷ cương, liêm chính. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, người đứng đầu, gương mẫu trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Tiếp tục quản lý, sử dung kính phí hiệu quả nằm trong dự toán được giao, và trong quy chế chi tiêu hàng năm. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế phối hợp, Quy chế quản lý tài chính.

Tăng cường quản lý công tác bảo vệ rừng và quản lý tài nguyên rừng.

Tiếp tục có kế hoạch thực hiện Chương trình Dự án quản lý rừng bề vững giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện nghiêm các kiến nghị của các cơ quan chức năng qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Đối với Người quản lý và Người lao động vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phải kiên quyết xử lý trách nhiệm cá nhân.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn thực hiện cụ thể cho từng lĩnh vực để việc thực hiện công tác thực hành tiết kiệm , chống lãng phí được thuận lợi.

Trên đây là báo cáo "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 -2021" của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh Tra tỉnh, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo)
- Chi bô C.ty (báo cáo);
- Giám đốc, các P. Giám đốc;
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 4500143229-C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN - H.NINH SƠN T.NINH THUẬN

Phan Văn Tâm

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NINH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CTLNNS ngày /9/2022 của Công ty)

Dự án	Giai đoạn 2016-2021			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Ghi chú lý do chậm việc phê duyệt quyết toán
	Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			Tổng số			
	Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		Số dự án	Số vốn		
		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí vốn	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán		Đã bố trí	Quyết toán	
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
TONG CO	*01*	*7.289.112,0*	*6.871.078*	*01*	*205.069*	*205.067*	*01*	*1.547.363*	*1.547.363*	*01*	*711.332*	*705.140*	*01*	*535.028*	*492.008*	*01*	*2.972.620*	*2.614.200*	*01*	*1.317.700*	*1.307.300*	
Trong đó:																						
- Dự án quyết toán đúng thời gian quy định	*01*	*7.289.112,0*	*6.871.078*	*01*	*205.069*	*205.067*	*01*	*1.547.363*	*1.547.363*	*01*	*711.332*	*705.140*	*01*	*535.028*	*492.008*	*01*	*2.972.620*	*2.614.200*	*01*	*1.317.700*	*1.307.300*	
- Dự án quyết toán Không đúng thời gian quy định																						
DỰ ÁN NHÓM C																						
Dự án hoàn thành năm 2015 trở về trước																						
Dự án bảo vệ và phát triển rừng hoàn thành năm 2015 chuyển sang năm 2016	*01*	***179.820***	***179.820***	*01*	*179.820*	*179.820*																
Dự án quyết toán đúng thời gian quy định	01	179.820	179.820	01	179.820	179.820																
Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						
Dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020																						
Dự án bảo vệ và phát triển rừng lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 -2020	*01*	***7.109.292,0***	***6.691.258***	*01*	*25.249*	*25.247*	*01*	*1.547.363*	*1.547.363*	*01*	*711.332*	*705.140*	*01*	*535.028*	*492.008*	*01*	*2.972.620*	*2.614.200*	*01*	*1.317.700*	*1.307.300*	
Dự án quyết toán đúng thời gian quy định	01	7.109.292,0	6.691.258	01	25.249	25.247	01	1.547.363	1.547.363	01	711.332	705.140	01	535.028	492.008	01	2.972.620	2.614.200	01	1.317.700	1.307.300	
Dự án quyết toán không đúng thời gian quy định																						

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP NINH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ năm 2016-2021)
(Kèm theo Báo cáo số 70/BC-CTLNNS ngày 14/9/2022 của Công ty)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	06
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	06
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0

10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	Người	0
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng người tham nhũng	Người	0
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	230
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người	0

25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập		
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	03
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng	0
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	0
	Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	0
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị		

38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	0
42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	0
	Qua hoạt động thanh tra, giám sát		
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	0
	Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng		
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	0
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	0
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0

53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được quan chức năng khởi tố	Người	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
	XỬ LÝ THAM NHŨNG		
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ	0
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0

65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
67	Đất đai	m^2	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
69	Đất đai	m^2	0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
71	Đất đai	m^2	0

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NINH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Phụ lục 10

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CÁC DNNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2016-2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016-2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
I	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**									
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng								
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng								
2.1	*Tiết kiệm điện*	Kw/h								
2.2	*Tiết kiệm xăng, dầu*	Tấn (lít)								
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	64,6	0	87	8,2	4,2	27,3	191,3	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng								
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng								

6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng								
II	**Quản lý đầu tư xây dựng**									
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án								
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án								
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được									
3.1	*Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán*	*triệu đồng*								
3.2	*Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...*	*triệu đồng*								
3.3	*Thực hiện đầu tư, thi công*	*triệu đồng*								
3.4	*Thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*triệu đồng*								
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn									
4.1	*Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật*	*dự án*								
4.2	*Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật*	*triệu đồng*								
5	Các nội dung khác									
III	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước**									
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu	Không	Không	Không					

		đồng								
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	Không	Không	Không					
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	Không	Không	Không					
IV	**Mua sắm phương tiện**									
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		Không	Không	Không					
1.1	*Số lượng xe đầu kỳ*	chiếc								
1.2	*Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)*	chiếc								
1.3	*Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ*	chiếc								
1.4	*Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)*	chiếc								
1.5	*Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng*	triệu đồng								
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	Không	Không	Không					
2.1	*Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ*	chiếc								
2.2	*Số tiền mua xe trang bị sai chế độ*	triệu đồng								
V	**Nợ phải thu khó đòi**									
1	Số đầu kỳ	triệu đồng								
2	Số cuối kỳ	triệu								

		đồng								
VI	**Vốn chủ sở hữu**									
1	Số đầu năm	triệu đồng	4.222	4.247	3.374	3.529	3.424	3.421		
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	4.247	3.374	3.529	3.424	3.421	3.433		